UBND TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ KHMER

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Mã số học phần: 200020

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: Mĩ học đại cương

Tên Tiếng Anh: Introduction to Aesthetics

Đơn vị phụ trách: Bộ môn SPNV & Ngôn ngữ Khmer

Khoa: NN – VH – NT Khmer Nam Bộ

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (01 tín chỉ lý thuyết, 01 tín chỉ thực hành)

Phân bố thời gian: 11 tuần.

Học kỳ: I (năm thứ I)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- GV phụ trách chính: ThS. Nguyễn Đăng Hai (SĐT: 0917227775; Email: ndhai@tvu.edu.vn)

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Môn học tiên quyết:

Học phần thuộc khối kiến thức *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

<table>
<tr><td colspan="2">Đại cương ☒</td><td colspan="6">Chuyên nghiệp ☐</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Bắt buộc
☐</td><td rowspan="2">Tự chọn
☒</td><td colspan="2">Cơ sở ngành ☐</td><td colspan="2">Chuyên ngành ☐</td><td colspan="2">Tốt nghiệp</td></tr>
<tr><td>Bắt buộc
☐</td><td>Tự chọn
☐</td><td>Bắt buộc
☐</td><td>Tự chọn
☐</td><td>Bắt buộc
☐</td><td>Tự chọn
☐</td></tr>
</table>

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt ☑

II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- Lần thử: 1
- Ngày hiệu chỉnh: 10/7/2020
- Lí do và nội dung hiệu chỉnh: *Cập nhật đề cương môn học hàng năm theo Quy định của Trường Đại học Trà Vinh.*

III. Mô tả học phần

Học phần giúp sinh viên xác định kiến thức cơ bản về khoa học mĩ học trên ba phương diện chính: chủ thể thẩm mĩ, khách thể thẩm mĩ và nghệ thuật; đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên có thể tự tin vận dụng kiến thức mĩ học trong việc đánh giá, thưởng thức và bước đầu sáng tạo các giá trị thẩm mĩ trong đời sống và công việc chuyên môn. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên có ý thức tôn trọng các giá trị thẩm mĩ; có tinh thần phê phán các hiện tượng phi thẩm mĩ trong đời sống và trong nghệ thuật.

**** Mục tiêu:***

- CELO1: Xác định lịch sử, đối tượng, nội dung nghiên cứu của mĩ học

- CELO2: Xác định những kiến thức cơ bản về mĩ học trên ba phương diện chính: chủ thể thẩm mĩ, khách thể thẩm mĩ và nghệ thuật.

- CELO3: Đánh giá, thưởng thức các giá trị thẩm mĩ trong tự nhiên, xã hội và nghệ thuật

- CELO4: Bước đầu sáng tạo các giá trị thẩm mĩ cơ bản trong đời sống, nghệ thuật, công việc chuyên môn

- CELO5: Thể hiện ý thức tôn trọng các giá trị thẩm mĩ;

- CELO6: Thể hiện tinh thần phê phán các hiện tượng phi thẩm mĩ trong đời sống và trong nghệ thuật

IV. Kết quả học tập:

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra sau đây của chương trình đào tạo (CTĐT) theo mức độ sau: *(Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho Chuẩn đầu ra (CĐR - ELOs) của CTĐT).*

- *Mức L: Mức độ học tập thấp trong phân loại Bloom's Taxonomy (Kiến thức và Hiểu biết)*
- *Mức M: Mức độ học tập trung bình trong phân loại Bloom's Taxonomy (Ứng dụng và Phân tích);*
- *Mức H: Mức độ học tập cao trong phân loại Bloom's Taxonomy (Đánh giá và Sáng tạo);*
- *Bỏ nếu không có đồng ý*

Mã HP	**Tên HP**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**											
		ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
200020	MHĐC	M				M		M				M	

Ký hiệu	**Kết quả học tập mong đợi (KQHTMĐ) của học phần** Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	**CĐR của CTĐT**
Kiến thức		
CELO 1	Xác định lịch sử, đối tượng, nội dung nghiên cứu của mĩ học	ELO1
CELO 2	Xác định những kiến thức cơ bản về mĩ học trên ba phương diện chính: chủ thể thẩm mĩ, khách thể thẩm mĩ và nghệ thuật	ELO: 1, 5, 7, 11
Kĩ năng		
CELO 3	Đánh giá, thưởng thức các giá trị thẩm mĩ trong tự nhiên, xã hội và nghệ thuật	ELO: 1, 5, 7, 11
CELO 4	Bước đầu sáng tạo các giá trị thẩm mĩ cơ bản trong đời sống, công việc chuyên môn	ELO: 1, 5, 7, 11
Thái độ		
CELO 5	Thể hiện ý thức tôn trọng các giá trị thẩm mĩ;	ELO: 1, 5, 7, 11
CELO 6	Thể hiện tinh thần phê phán các hiện tượng phi thẩm mĩ trong đời sống và trong nghệ thuật	ELO11

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

5.1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Powerpoint

- Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề;
- Trao đổi, thảo luận nhóm;
- Trực quan, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu thực địa

5.2. Phương pháp học tập

- Nêu vấn đề để sinh viên thảo luận
- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu Powerpoint
- Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu tài liệu
- Giải đáp thắc mắc của sinh viên.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu có liên quan đến nội dung môn học
- Thảo luận các vấn đề do GV hoặc sinh viên trong lớp đặt ra
- Nêu vấn đề hoặc câu hỏi có liên quan đến nội dung học phần
- Trả lời ý kiến của GV, sinh viên trong lớp

VII. Đánh giá và cho điểm

7.1. Thang điểm: 10

7.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

- Đánh giá quá trình: 02 lần (chiếm 50%), tham dự lớp học + thảo luận, làm bài tập, kiểm tra viết
- Đánh giá học phần: thi cuối kì (chiếm 50%), kiểm tra (viết bài luận)

VIII. Nội dung học phần và hình thức đánh giá

8.1. Nội dung học phần:

- Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80 % thời lượng giảng dạy):

Học phần giúp sinh viên xác định kiến thức cơ bản về khoa học mĩ học trên ba phương diện chính: chủ thể thẩm mĩ, khách thể thẩm mĩ và nghệ thuật; đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên có thể tự tin vận dụng kiến thức mĩ học trong việc đánh giá, thưởng thức và bước đầu sáng tạo các giá trị thẩm mĩ trong đời sống và công việc chuyên môn.

Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên có ý thức tôn trọng các giá trị thẩm mĩ; có tinh thần phê phán các hiện tượng phi thẩm mĩ trong đời sống và trong nghệ thuật.

- Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

+ Những nghiên cứu mới về mĩ học;

+ Việc ứng dụng mĩ học trong các lĩnh vực quảng cáo, truyền thông đại chúng…

+ Một số tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu của Việt Nam và nước ngoài.

8.2. Hình thức đánh giá:

Chương/Bài	CELOs	Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá
Bài 1. Mĩ học là một khoa học	CELO1,2	Tóm tắt tài liệu	- Đối tượng, nội dung mĩ học - Lịch sử mĩ học

		Trả lời câu hỏi	- Phân biệt mĩ học và các khoa học khác
Bài 2. Khái quát về quan hệ thẩm mĩ	CELO1,2	Bài tập thực hành, thảo luận	- Xác định nội hàm khái niệm quan hệ thẩm mĩ - Đặc điểm của quan hệ thẩm mĩ
Bài 3. Ý thức/Chủ thể thẩm mĩ	CELO2,3,4,5,6	Bài tập thực hành, thảo luận	- Xác định nội hàm chủ thể thẩm mĩ - Nội hàm các khái niệm: cảm xúc thẩm mĩ, thị hiếu thẩm mĩ, lí tưởng thẩm mĩ - Đặc điểm của: cảm xúc thẩm mĩ, thị hiếu thẩm mĩ, lí tưởng thẩm mĩ - Phân tích từ thực tiễn đời sống và nghệ thuật
Bài 4. Các phạm trù mĩ học cơ bản	CELO2,3,4,5,6	Bài tập thực hành, thảo luận	- Xác định các phạm trù cơ bản của mĩ học - Nội hàm các khái niệm: cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài - Mối quan hệ giữa các phạm trù đó - Đặc điểm của các phạm trù: cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài
Bài 5. Nghệ thuật	CELO2,3,4,5,6	Bài tập thực hành, thảo luận	- Khái niệm nghệ thuật - Quy luật sáng tạo nghệ thuật - Đặc trưng, chức năng của nghệ thuật - Các loại hình nghệ thuật - Đặc trưng của từng loại hình

Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

Các KQHTMĐ của HP	**Thực hành (50%)**	**Thi cuối kỳ (50 %)**
CELO1	X	X
CELO2	X	X
CELO3	X	X
CELO4	X	X
CELO5	X	X
CELO6	X	X

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung chi tiết		KQHTMĐ của HP (CELO)
1-2	**Bài 1.**	**Mĩ học là một khoa học**	CELO1,2
	1.1	Lược sử mĩ học	
	1.2	Khái niệm mĩ học	
	1.3	Đối tượng, nội dung nghiên cứu	
3	**Bài 2.**	**Khái quát về quan hệ thẩm mĩ**	CELO1,2
	2.1	Định nghĩa	
	2.2	Nguồn gốc, bản chất	
	2.3	Tính chất	
4-6	**Bài 3.**	**Ý thức/Chủ thể thẩm mĩ**	CELO2,3,4,5,6
	3.1	Khái niệm ý thức thẩm mĩ	
	3.2	Cảm xúc thẩm mĩ	
	3.3	Thị hiếu thẩm mĩ	
	3.4	Lí tưởng thẩm mĩ	
7-9	**Bài 4.**	**Các phạm trù mĩ học cơ bản**	CELO2,3,4,5,6
	4.1	Cái đẹp	
	4.2	Cái cao cả	
	4.3	Cái bi	
	4.4	Cái hài	
10-11	**Bài 5.**	**Nghệ thuật**	CELO2,3,4,5,6
	5.1	Khái niệm	
	5.2	Đặc trưng	
	5.3	Phân loại	

X. Tài liệu tham khảo

[1]. Aristotle (1964). *Nghệ thuật thơ ca*. Hà Nội: NXB Văn hóa – Nghệ thuật.

[2]. Cagan (2004). *Hình thái học của nghệ thuật*. Hà Nội: NXB Văn học.

[3]. Lê Văn Dương, Lê Đình Lục (2007). *Mĩ học đại cương*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

[4]. Hêghen (2007). *Mĩ học*. Hà Nội: NXB Văn học.

[5]. Đỗ Huy (1996). *Mĩ học với tư cách là một khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

[6]. Đỗ Huy (2001). *Mĩ học: Khoa học về các quan hệ thẩm mĩ*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.

[7]. Đỗ Huy (2006). *Mĩ học Mác – Lênin*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

[8]. Đỗ Văn Khang (chủ biên, 1997). *Mĩ học đại cương*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

[9]. Vũ Minh Tâm (1998). *Mĩ học và giáo dục thẩm mĩ*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

[10]. Chu Quang Tiềm (2005). *Tâm lí văn nghệ*. Hà Nội: NXB Thanh niên.

[11]. Lưu Hà Vĩ (1996). *Logic hình thức*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Tài liệu trong danh mục tài liệu (tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo);
- Các nguồn tư liệu từ các hệ thống cơ sở dữ liệu uy tín trong và ngoài nước để sinh viên nghiên cứu;
- Các tác phẩm văn học – nghệ thuật tiêu biểu của Việt Nam và nước ngoài;

- Các phương tiện hỗ trợ: máy chiếu, wifi, bảng, phấn, giấy A0, bút lông, nam châm.

Trà Vinh, ngày tháng năm 20….

TRƯỞNG KHOA	**TRƯỞNG BỘ MÔN**	**GV BIÊN SOẠN**
(Kí và ghi rõ họ tên)	*(Kí và ghi rõ họ tên)*	*(Kí và ghi rõ họ tên)*
		Nguyễn Đăng Hai

PHỤ LỤC

KHOA NN – VH – NT KHMER NB
BỘ MÔN SPNV & NN KHMER
LỚP:
MÃ LỚP:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Họ và tên (giảng viên đánh giá):
2. Chức danh, học vị: Thạc sĩ
3. Đơn vị công tác: Khoa NN - VH - NT Khmer Nam Bộ
4. Họ và tên sinh viên thực hiện:
5. Môn học: Mĩ học đại cương
6. Địa điểm thực hiện: Trường Đại học Trà Vinh
7. Thời gian đánh giá:

Rubric 1: Đánh tham dự

Tiêu chí	100%	50%	25%	0%
Tham dự	Sinh viên đi học đầy đủ các buổi học	Sinh viên vắng học 01 buổi	Sinh viên vắng học 02 buổi	Sinh viên vắng học từ 03 buổi trở lên

Rubric 2: Đánh giá bài viết

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Nội dung	70	Nhận diện, phân tích đầy đủ, đúng các nội dung	Có nhận diện đúng các vấn đề nhưng chưa phân tích được hoặc phân tích nhưng chưa đầy đủ	Có nhận diện đúng các vấn đề nhưng chưa phân tích được hoặc có phân tích nhưng còn sơ sài Có nhận diện và phân tích được nhưng còn chưa đầy đủ, chưa phù hợp nội dung	Chưa nhận diện và phân tích không đúng nội dung
Hình thức	20	Đạt/vượt yêu cầu	Phù hợp	Tương đối phù hợp	Không phù hợp
Khác: sáng tạo/ấn tượng	10	Thể hiện được quan điểm cá nhân, có sự sáng tạo	Thể hiện được quan điểm cá nhân, chưa sáng tạo	Chưa thể hiện được quan điểm cá nhân, chưa sáng tạo	Không thể hiện được quan điểm cá nhân, không sáng tạo

Rubric 3: Đánh giá THI CUỐI KÌ

Tiêu chí	Điểm số	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	10	*100%*	*75%*	*50%*	*0%*

Nội dung	7	- Trả lời đúng tất cả nội dung - Có ví dụ minh họa và phân tích phù hợp	- Trả lời thiếu tối đa 25% nội dung quan trọng - Có ví dụ minh họa và phân tích phù hợp	- Trả lời thiếu tối đa 50% nội dung quan trọng - Không có ví dụ minh họa và phân tích phù hợp	- Trả lời thiếu nhiều hơn 50% nội dung quan trọng.
Hình thức	2	-Trình bày mạch lạc, khoa học -Không mắc lỗi văn phạm	- Trình bày mạch lạc, khoa học - Có lỗi văn phạm	-Trình bày mạch lạc, khoa học - Mắc nhiều lỗi văn phạm	-Trình bày thiếu logic, không khoa học -Mắc nhiều lỗi văn phạm
Ý mới	1	Cộng tối đa 1 điểm cho những bài có nội dung trả lời mang tính mới/sáng tạo so với đáp án nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác/phù hợp. *Điểm tổng bài thi không quá 10 điểm*			